TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST
Ngày: 04 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

2. Ông Ngô Quốc Tiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đinh Thế H**, sinh ngày 01/01/1972.

Địa chỉ: Ấp 1, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp 1, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh ngày năm 1998; địa chỉ: Đường Đ, Khóm X, phường L, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Đường Đ, Khóm X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng), (đại diện uỷ quyền, theo Hợp đồng uỷ quyền chứng thực ngày 12/6/2025); (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Tấn K**, sinh ngày 01/01/1968; (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh ngày 01/01/1968; (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã G, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp 1, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thế H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Vào ngày 01/7/2023 âm lịch, ông Trần Tấn K cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thanh T có mượn của ông H số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng), không thoả thuận lãi suất; ông H và ông K, bà T có làm giấy viết tay tiêu đề: "Tờ mượn tiền" do bà T viết, ông K và bà T cùng ký tên. Lý do ông K và bà T mượn là để xây dựng nhà nuôi chim yến. Thời hạn trả là vào ngày 01/4/2024 âm lịch.

Sau đó, ông K và bà T không trả tiền cho ông H như đã thoả thuận, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng chỉ gặp bà T và hứa cho qua. Vụ việc được Tổ hoà giải ấp 1, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng hoà giải, nhưng ông K và bà T cho rằng chỉ nợ ông H 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), nên hoà giải không thành.

Tại phiên toà, bà N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trần Tấn K, bà Nguyễn Thị Thanh T phải cùng có trách nhiệm trả cho ông H số tiền đã vay là: 595.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng). Trong đó:

- Tiền gốc là: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Tiền lãi chậm trễ thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/04/2024 âm lịch tức là ngày 08/5/2024 dương lịch đến ngày nguyên đơn khởi kiện tại Toà án là ngày 25/3/2025 với số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Đồng thời yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 550.000.000 đồng, từ ngày bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 26/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/8/2025 cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Trần Tấn K trình bày:

Ông Trần Tấn K trực tiếp vay tiền của ông Đinh Thế H, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng tháng 4-5/2020, ông K vay của ông H tiền vốn 20.000.000 đồng, không làm biên nhận, có đóng tiền lãi hàng tháng.

Lần 2: Vài tháng sau đó, ông K vay thêm 30.000.000 đồng; đồng thời, ông H cộng với nợ lãi 4.000.000 đồng của lần vay thứ nhất nên cộng thành tiền vốn.

Lần 3: Vài tháng sau, do dịch Covid, hoàn cảnh khó khăn, nên ông K vay tiếp 30.000.000 đồng, ông H tính nợ lãi của các lần vay trước rồi cộng thành vốn.

Lần 4: Khoảng tháng 7-8/2022, ông K vay 200.000.000 đồng và không

đóng lãi.

Sau đó, không nhớ vào thời gian nào thì ông K trả tiền lãi là 32.000.000 đồng, không làm biên nhận do tin tưởng nhau.

Khoảng năm 2022, hai bên chốt lại vốn và lãi là 200.000.000 đồng.

Sau đó, ông K vay thêm 40.000.000 đồng, lãi 5%/tháng. Hai bên làm biên nhận tổng số tiền nợ là 240.000.000 đồng, một mình ông K ký tên biên nhận và ông H giữ biên nhận.

Khoảng 05 tháng sau, tính lại ông K còn nợ ông H 290.000.000 đồng và có làm biên nhận.

Khoảng 6-7 tháng sau, tiền lãi thêm 70.000.000 đồng, có làm biên nhận cộng lại là 290.000.000 đồng và 70.000.000 đồng nên tổng cộng là 360.000.000 đồng.

Ông K vay thêm 20.000.000 đồng, không nhớ lãi bao nhiêu, tổng cộng là 380.000.000 đồng.

Vào tháng 7/2022, hai bên tính lại tiền nợ là 380.000.000 đồng, thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 01/4/2024 âm lịch, đồng thời ông H tính trước tiền lãi suất của số tiền 380.000.000 đồng kể từ ngày viết "Tờ mượn tiền" 01/7/2023 âm lịch cho đến ngày 01/4/2024 âm lịch với mức lãi 4% hay 5% thì ông K không nhớ, nên cộng lại vốn và lãi bằng 550.000.000 đồng. Ông H buộc vợ chồng ông K, bà T viết "Tờ mượn tiền" với số tiền 550.000.000 đồng.

Trong quá trình vay từ trước đến nay, ông K đã trả tiền lãi cho ông H khoảng 160.000.000 đồng, không làm biên nhận, không người làm chứng, do tin tưởng nhau.

Theo ông K thì ông chỉ nợ ông H tiền vốn là 240.000.000 đồng, nên ông chỉ đồng ý trả số tiền này. Ông vay tiền là để chi tiêu cho gia đình, nên đây là nợ của vợ chồng ông với bà T. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả hàng tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Trần Tấn K. Bà là người viết "Tờ mượn tiền", nội dung do ông H đọc, viết xong thì bà với ông Trần Tấn K cùng ký tên vào, lúc đó có mặt bà, ông K, ông H, ngoài ra không có ai.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Thanh T chỉ thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền vốn gộp vào tiền lãi, số tiền lãi đã trả, khi trả tiền cũng không có người làm chứng. Mục đích vay tiền để phục vụ sinh hoạt gia đình và bị đơn ông Trần Tấn K cũng thừa nhận là nợ chung của vợ chồng ông K, bà T. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông K, bà T cùng phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 26/3/2025 đến ngày xét xử vụ án; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 26/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn ông K, bà T trả nợ tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp 1, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp 1, xã G, thành phố Cần Thơ, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn ông K và bà T trả lại tiền vay còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn và các bị đơn đều thống nhất là vào ngày 01/7/2023 âm lịch, ông K và bà T có làm và ký tên vào "Tờ mượn tiền" với nội dung là ông K và bà T có mượn số tiền tổng cộng 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) của ông H, do bà T viết. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xác định ông K và bà T có vay của ông H số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) là đúng sự thật.

Tuy nhiên, ông K và bà T thì cho rằng số tiền vốn chỉ có 240.000.000 đồng và đã trả lãi khoảng 160.000.000 đồng, nhưng không làm biên nhận, không người làm chứng.

Như vậy, ông K và bà T đã thừa nhận là vào ngày 01/7/2023 âm lịch (là ngày 16/8/2023 dương lịch), ông, bà có ký tên vào "Tờ mượn tiền" vay của ông H tổng cộng là 550.000.000 đồng, lời thừa nhận của ông K, bà T được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Hội đồng xét xử xác định tiền vốn vay là 550.000.000 đồng.

Việc ông K và bà T cho rằng chỉ vay vốn 240.000.000 đồng, được Hội đồng xét xử xem xét như sau: Ông K và bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày này là đúng sự thật; theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" và tại khoản 4 Điều luật này quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Căn cứ vào quy định này, thì việc ông K và bà T cho rằng chỉ nợ ông H 240.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Trong "Tờ mượn tiền" có ghi nhận là ông K, bà T cam kết đến ngày 01/4/2024 âm lịch ông, bà có trách nhiệm trả nợ, nhưng không ghi nhận là vay có lãi, nên hợp đồng vay tiền giữa ông H với ông K, bà T là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H đã thông báo cho ông K, bà T trả tiền và phát sinh tranh chấp, đến nay ông K, bà T không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Ông K và bà T đều cho rằng số tiền vay là để dùng nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình. Đồng thời, ông, bà cũng thừa nhận số tiền này là do ông, bà thống nhất viết "Tờ mượn tiền". Vì vậy, việc ông H yêu cầu ông K và bà T cùng trả nợ vay là có cơ sở.

Do đó, có căn cứ xác định nghĩa vụ của ông K và bà T đối với ông H thì cần phải buộc ông K và bà T cùng liên đới trả nợ cho ông H theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn ông K và bà T trả tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong "Tờ mượn tiền" ghi nhận là ngày 01/4/2024 âl (là ngày 08/5/2024 dương lịch) sẽ trả nợ 550.000.000 đồng, nhưng không thoả thuận lãi suất. Nhưng khi đến hạn bên vay không trả nợ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác theo khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08/5/2024 đến ngày 25/3/2025, là 10 tháng 27 ngày với số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy việc ông H yêu cầu ông K, bà T trả tiền là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần buộc ông K, bà T liên đới phải trả cho ông H số tiền vốn còn nợ tổng cộng là 550.000.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 08/5/2024 đến ngày 25/3/2025 với số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông K và bà T còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 26/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 224 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi suất chậm trả này.

[5] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: "Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận".

[6.1] Do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6.2] Bị đơn ông K và bà T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên ông, bà phải chịu án phí sơ thẩm là 27.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 94, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 224, Điều 271, khoản 1 và 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định

của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thế H về việc buộc bị đơn ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Thanh T trả tiền vốn vay và lãi suất.

1.1. Buộc bị đơn ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Thanh T liên đới trả cho nguyên đơn ông Đinh Thế H tổng cộng số tiền là: 595.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), trong đó:

- Tiền vốn là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Tiền lãi là: 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tính từ ngày 08/5/2024 đến ngày 25/3/2025.

1.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Đinh Thế H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thế H về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Thanh T trả tiền lãi từ ngày 26/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/9/2025.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Thanh T phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 27.800.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

3.2. Ông Đinh Thế H không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.155.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001655 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hàn h án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh